

VITTEP ISO/IEC 17025:2017 VLAT – 1.0108 VIMCERTS 009	VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ VIỆN CÔNG NGHỆ NHIỆT ĐỚI Institute for Tropical Technology	Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, P. Phú Nhuận, TP. HCM. ĐTCCQ: 028.38446262-65 Address: 57A Truong Quoc Dung Street, Phu Nhuan Ward, Ho Chi Minh City. Office tel: 028.38446262-65
00644/2025/PKQ QTKSƠN (25.0633)	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày xuất kết quả/ Issued Date 17/11/2025

- Nơi yêu cầu: Công ty Cổ Phần Đầu tư Nước Tân Hiệp (Đơn hàng: 25.0633)
- Địa điểm lấy mẫu: 64 Ấp Thới Tây 1, xã Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh
- Loại mẫu: Nước sinh hoạt
- Số lượng mẫu: 1
- Ngày nhận mẫu: 10/11/2025
- Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

CTY CP ĐẦU TƯ NƯỚC TÂN HIỆP
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: <u>PHW 25/17/381</u>
Ngày: <u>19</u> tháng <u>11</u> năm <u>2025</u>
Chuyển:

ĐẠI DIỆN
NHÓM THỬ NGHIỆM

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC
KIỂM SOÁT Ô NHIỄM

TL. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG BAN KẾ HOẠCH



Nguyễn Thị Nhạn



Ngô Văn Thanh Huy



Nguyễn Thị Kim Yến

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện CNND.
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
- Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP

00644/2025/PKQ QTKSƠN (25.0633)	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày xuất kết quả/ Issued Date 17/11/2025
------------------------------------	---	--

A. KÝ HIỆU MẪU:

TT	Ký hiệu	Tên mẫu	Mã hoá mẫu
1.	NS-TH2	Nước sạch Tân Hiệp 2	QT.251110.007

B. KẾT QUẢ:

I. NƯỚC SINH HOẠT

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả thử nghiệm	QCVN 01-1:2024/BYT
				QT.251110.007	
1	Độ đục	NTU	US EPA method 180.1	0,2	2
2	Độ màu*	mg/L Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH (LOD=6)	15
3	pH	-	TCVN 6492:2011	7,6	6 ÷ 8,5
4	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186:1996	0,99	2
5	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179:1996	KPH (LOD=0,006)	1
6	Asen (As)*	mg/L	SMEWW 3125B:2023	KPH (LOD=0,0002)	0,01
7	Clo dư *	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	1,00	0,2 ÷ 1
8	Coliform*	CFU/100mL	SMEWW 9222B:2023	KPH	<1
9	E.Coli*	CFU/100mL	SMEWW 9222B&H:2023	KPH	<1
10	Mùi	-	SMEWW 2150 B + SMEWW 2160 B	không có mùi lạ	không có mùi lạ

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2024/BYT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- (*): Thông số được công nhận VLAT – 1.0108;
- (-): Không quy định/không thực hiện;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện CNND.
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
- Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP ISO/IEC 17025:2017 VLAT – 1.0108 VIMCERTS 009	VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ VIỆN CÔNG NGHỆ NHIỆT ĐỚI Institute for Tropical Technology	Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, P. Phú Nhuận, TP. HCM. ĐTCC: 028.38446262-65 Address: 57A Truong Quoc Dung Street, Phu Nhuan Ward, Ho Chi Minh City. Office tel: 028.38446262-65
00630/2025/PKQ QTKSƠN (25.0615)	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày xuất kết quả/ Issued Date 10/11/2025

1. Nơi yêu cầu: Công ty Cổ Phần Đầu tư Nước Tân Hiệp (Đơn hàng: 25.0615)
2. Địa điểm lấy mẫu: 64 Ấp Thới Tây 1, xã Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh
3. Loại mẫu: Nước sinh hoạt
4. Số lượng mẫu: 1
5. Ngày nhận mẫu: 03/11/2025
6. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

CTY CP ĐẦU TƯ NƯỚC TÂN HIỆP

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: HW25/Đ/367

Ngày 12 tháng 11 năm 2025

Chuyển:.....

ĐẠI DIỆN
NHÓM THỬ NGHIỆM



Nguyễn Thị Nhạn

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC
KIỂM SOÁT Ô NHIỄM



Ngô Văn Thanh Huy

TL. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG BAN KẾ HOẠCH



Nguyễn Thị Kim Yến

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện CNND.
2. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
3. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP

00630/2025/PKQ QTKSƠN (25.0615)	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày xuất kết quả/ Issued Date 10/11/2025
------------------------------------	---	--

A. KÝ HIỆU MẪU:

TT	Ký hiệu	Tên mẫu	Mã hoá mẫu
1.	NS-TH2	Nước sạch Tân Hiệp 2	QT.251103.003

B. KẾT QUẢ:

I. NƯỚC SINH HOẠT

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả thử nghiệm	QCVN 01-1:2024/BYT
				QT.251103.003	
1	Độ đục	NTU	US EPA method 180.1	0,24	2
2	Độ màu*	mg/L Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH (LOD=6)	15
3	pH	-	TCVN 6492:2011	7,6	6 ÷ 8,5
4	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186:1996	1,00	2
5	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179:1996	KPH (LOD=0,006)	1
6	Asen (As)*	mg/L	SMEWW 3125B:2023	0,0002	0,01
7	Clo dư *	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	0,96	0,2 ÷ 1
8	Coliform*	CFU/100mL	SMEWW 9222B:2023	KPH	<1
9	E.Coli*	CFU/100mL	SMEWW 9222B&H:2023	KPH	<1
10	Mùi	-	SMEWW 2150 B + SMEWW 2160 B	không có mùi lạ	không có mùi lạ

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2024/BYT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- (*): Thông số được công nhận VLAT – 1.0108;
- (-): Không quy định/không thực hiện;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện CNND.
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
- Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.